

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2022

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Hồng Lành**

Ông **Nguyễn Ngọc Quyền**

Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Văn Trường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 05/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022, về việc: "***Tranh chấp ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lê Th M** – sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh T (Vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: **Quảng Tr H** – sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh T (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị My trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H sống chung từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian sống chung chị M và anh H không hạnh phúc, nên chị M yêu cầu ly hôn anh H.

- Về con: Chị M và anh H không có con chung, không có con nuôi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con.

- Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.
- Về nợ chung: Chị M xác định chị và anh H không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Lời trình bày của bị đơn:*

- Về Hôn nhân, con anh H thống nhất với trình bày của chị M.
- Về tài sản: Ngày 25 tháng 02 năm 2022 anh H nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung với chị M đối với các tài sản như: 02 lượng 03 phân vàng 24k và 03 chỉ 05 phân vàng 18k.

Vào ngày 08 tháng 4 năm 2022 có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản đối với chị M.

- Về nợ: Anh H thống nhất anh và chị M là anh H và chị M không có nợ chung.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Th M và anh Quảng Tr H là vợ chồng.

+ Về con chung: Chị M và anh H không có con, không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của anh H.

+ Nguyên đơn phải chịu án phí 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị M yêu cầu ly hôn anh H, nơi cư trú của anh H tại huyện Phước Long; Nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị M và anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh H là phù hợp quy định Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị M và anh H tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2014, mặc dù đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng anh H và chị M không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị M yêu cầu ly hôn anh H, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn

nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh H.

[4] Xét về quan hệ con: Chị M và anh H không có con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là 02 lượng 03 phân vàng 24k và 03 chỉ 05 phân vàng 18k với chị M và được Tòa án thụ lý yêu cầu này. Ngày 08 tháng 4 năm 2022 anh H có đơn rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung với chị M. Xét thấy việc anh Hòa rút yêu cầu chia tài sản chung là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh H đối với chị M.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí:

Buộc chị Lê T M chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị M đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ chuyển sang thu án phí.

Anh H được nhận lại tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 1.579.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 92, 147, 192, 217, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Th M và anh Quảng Tr H.

2. Về con: Chị Lê Th M và anh Quảng Tr H không có con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh H đối với tài sản là 02 lượng 03 phân vàng 24k và 03 chỉ 05 phân vàng 18k.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Buộc chị M phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Chị M đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0004946 ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, chuyển thu án phí 300.000đ.

- Anh H được nhận lại tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp tại biên lai thu số 0005062 ngày 01 tháng 3 năm 2022 là 1.579.000đ.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Đang

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang